TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH** **----------** Bản án số: 10/2020/DSST. Ngày 15/7/2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Lưu, ông Nguyễn Đình Sơn;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cương, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du: Bà Nguyễn Thị Tuyết-KSV.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Tranh chấp "Kiện đòi tài sản" thụ lý số 27/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-DS ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Xuân Ổ B, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm Thanh L, thôn Lũng S, thị trấn L, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị với cô L là chỗ quen biết. Tháng 6/2016 cô L có đặt vấn để vay tiền của chị cụ thể số tiền vay là 120.000.000đ. Chị cho cô L vay nóng vì chị em nên giúp nhau một thời gian ngắn thôi. Khi cho vay hai bên không viết giấy tờ gì vì chị em tin tưởng nhau. Thời gian sau khi vay cô L và chị cũng chưa hề tính tiền lãi, gốc gì cả vì lúc đó chị vẫn chưa dùng đến số tiền đó nên vẫn để cô L sử dụng tiền. Đến ngày 28/12/2016 thì cô L viết giấy vay cho chị để làm tin. Trong giấy vay cô L ghi rõ số tiền nợ chị và có ghi nợ lãi tháng 12 tuy nhiên thực tế thì cô ấy cũng chưa trả gì tiền lãi cho chị. Giấy vay tiền này cô L viết giấy vay làm tin với chị (ngày 28/12/2016) cô L gặp chị và có mặt vợ chồng chị Nguyễn Thị Chính và anh Nguyễn Sỹ Tảo cùng cư trú tại Bái Uyên, Liên Bão, Tiên Du (vợ chồng chị Chính với chị và cô L đều là chỗ quen biết). Lúc đó L có nói với chị là vợ chồng Chính nợ tiền L lúc nào vợ chồng Chính trả thì L lấy tiền trả cho chị hoặc là do lúc đó chị đang nợ vợ chồng Chính 200.000.000đ thì L muốn trừ nợ của L với chị sang cho vợ chồng Chính; Đầu tiên chị không đồng ý vì quan điểm của chị là L nợ chị thì L trả chị; Chị nợ vợ chồng Chính thì chị trả vợ chồng Chính nhưng sau chị nghĩ lại, chị đồng ý và điện thoại cho L và Chính để thống nhất trừ khoản nợ của L với chị

là 120.000.000đ sang khoản nợ của chị với vợ chồng Chính như vậy chị chỉ còn nợ lại vợ chồng Chính 80.000.000đ thôi. Tháng 12/2017 vợ chồng Chính lên nhà chị và thoả thuận về số nợ 80.000.000đ còn lại mỗi tháng chị sẽ trả cho vợ chồng Chính 3.000.000đ. Thời gian sau hàng tháng chị trả đều đặn cho vợ chồng Chính đến tháng 8/2018 còn nợ lại vợ chồng Chính 61.300.000đ; Từ tháng 9/2018 chị điện thoại cho vợ chồng Chính khất nợ vì lúc đó gia đình chị cưới con kinh tế khó khăn chưa trả nợ được thì Chính đồng ý cho chị khất nợ nhưng không hiểu thế nào đến tháng 01/2019 vợ chồng Chính khởi kiện vợ chồng chị với số tiền khởi kiện là 200.000.000đ; Chị có nói chuyện rõ với Chính là trong số 200 triệu thì đã trừ đi 120 triệu đồng gán khoản nợ của L với chị sang Chính như thỏa thuận từ trước rồi nhưng Chính nói không biết và quan điểm của vợ chồng Chính là ai nợ thì người đấy trả không đồng ý gán nợ nữa; Chị điện thoại cho L vì tìm gặp nhiều lần nhưng không được thì L lại nói không nợ nần gì chị vì đã gán nợ sang Chính rồi; Do mọi việc thỏa thuận gán nợ giữa chị với vợ chồng Chính và L chỉ là thoả thuận miệng rồi hàng tháng chị trả tiền (03 triệu đồng) cho Chính cũng chỉ đưa tiền tận tay rồi chị tự ký sổ của Chính nên chị không có chứng cứ gì về việc gán nợ và đã trả nợ cho Chính; Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh đã xử buộc chị phải trả nợ toàn bộ số tiền 200.000.000đ cho vợ chồng Chính; Chị kháng cáo và Tòa án tỉnh Bắc Ninh cũng xử y án và đến nay vợ chồng chị đã chấp nhận kết quả xét xử và đã thanh toán đầy đủ hết nợ cho vợ chồng chị Chính rồi; Theo hướng dẫn của Tòa án tỉnh Bắc Ninh, chị khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nơi cô L đang sinh sống và yêu cầu cô L phải có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền 120.000.000đ mà L đã nợ của chị; Thời gian qua, chị đã tìm gặp L rất nhiều nhưng L luôn tránh mặt, gọi điện không nghe. Chị đề nghị tòa án buộc L phải trả chị số tiền 120.000.000đ đã vay; Ngoài ra chị không yêu cầu tình lãi gì cả. Việc chị cho L vay tiền là việc cá nhân giữa chị và L không liên quan gì đến chồng chị hay bất kỳ ai khác;

Tòa án đã báo chị Nguyễn Thị L lên làm việc nhiều lần tuy nhiên chị L luôn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai, không hòa giải và công bố chứng cứ được;

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày;

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tranh luận tất cả đều đã đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 471; 474; 477 BLDS 2005 Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Buộc chị L phải có trách nhiệm trả chị V số tiền 120.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 24/02/2020 Tòa án nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị L về việc chị V yêu cầu chị L trả nợ số tiền gốc 120.000.000đ cùng tiền lãi của số tiền vay theo quy định của ngân hàng theo giấy vay nợ đề ngày 28/12/2016; Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là "*Kiện đòi tài sản*";

Quá trình giải quyết vụ việc tại tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận thấy: Giấy vay nợ đề ngày 28/12/2016 do chị V cung cấp chính là Hợp đồng vay tài sản giữa chị L là người vay và chị V là người cho vay. Trong hợp đồng không ghi thời hạn trả nợ nên Hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 477 BLDS năm 2005 "Thực hiện Hợp đồng vay không kỳ hạn" và chị V có thể đòi lại tiền cho vay bất kỳ lúc nào nhưng phải báo trước cho chị L một thời gian hợp lý;

Thời điểm tháng 01/2019 khi vợ chồng chị Chính khởi kiện đòi tiền đối với chị V, chị V đã điện thoại thậm chí tìm gặp tận nhà yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L đều tránh mặt nên đến ngày 24/02/2020 chị nộp đơn khởi kiện đối với chị L tại Tòa án Tiên Du là hoàn toàn hợp pháp; Xét thấy quan hệ pháp luật của vụ án cần xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* mới là phù hợp;

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị L theo như chị V khai hai bên có quan hệ quen biết nên chị V có cho chị L vay tiền với số tiền vay là 120.000.000đ.

Xét thấy, tại giấy vay nợ đề ngày 28/12/2016 không có ghi rõ về thời hạn vay và không có chữ kỹ của người vay tuy nhiên chị V xác định giấy vay này do chính tay chị L viết; Chị L đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc.

Tòa án huyện Tiên Du phối hợp cùng công an thị trấn Lim, huyện Tiên Du (nơi chị L đang chung sống cùng nhà chồng) đến gia đình chồng chị L để làm việc, chị L hiện tại vẫn có hộ khẩu và có mặt tại nơi cư trú tại nhưng chị cũng như gia đình chồng chị không phối hợp, từ chối nhận giấy báo và không đồng ý làm việc cùng tòa án;

Để thu thập chứng cứ nhằm làm rõ nội dung vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du phối hợp cùng Công an xã Liên Bão đến giao giấy báo làm việc cho vợ chồng chị Tảo, anh Chính nhiều lần nhưng không được;

Ngày 20/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Tiên Du có Công văn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh cung cấp tài liệu chứng cứ để làm rõ nội dung chị V trình bày về việc có sự hoán đổi nợ giữa chị với chị L và vợ chồng chị Chính anh

Tảo; Xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh cung cấp (ngày 21/5/2020) thì thấy:

Tại Biên bản đối chất ngày 29/3/2019 giữa đại diện theo ủy quyền của vợ chồng chị Chính, anh Tảo (bà Luận) với vợ chồng chị V anh Hiếu; bà V trình bày "*Số tiền nêu trên theo bà V trình bày là đã gán trừ nợ của bà V với bà Chính với số tiền 120.000.000đ*" bà Luận trình bày "*bà V trình bày như vậy là không đúng*" ;

Tại Đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị L chị cũng xác định "*Việc vợ chồng chị V anh Hiếu có vay chị Chính số tiền bao nhiêu, nợ nần vay mượn với chị Chính như thế nào tôi không biết không có căn cứ nào liên quan đến tôi*" , "*việc nợ nần này chị V anh Hiếu phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Chính, tôi không có liên quan gì*". (Đơn có xác nhận của Công an thị trấn Lim, huyện Tiên Du)

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ, bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh và bản án phúc thẩm số 93/2019/DSPT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đều buộc vợ chồng chị V, anh Hiếu trả nợ cho vợ chồng chị Chính anh Tảo và không đưa chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 cư trú tại Xóm Thanh Lê, thôn Lũng Sơn, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như đối với việc chị V trình bày chị L nợ chị, vợ chồng chị có quyền khởi kiện chị L bằng một vụ án dân sự khác;

Như vậy, việc chị V khởi kiện chị L tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Du là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Chị L biết rõ việc chị bị chị V khởi kiện nhưng không chấp hành nội dung các giấy báo làm việc của tòa án, không có lời khai thể hiện rõ thái độ cố tình trốn tránh không đến tòa án làm việc do vậy chị L phải chịu hậu quả của việc không khai báo, cố tình trốn tránh, tự từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân theo quy định của pháp luật;

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị V đưa ra là có căn cứ, cần chấp nhận và cần buộc chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị V số tiền gốc là 120.000.000đ;

Về tiền lãi: Trong hợp đồng có ghi "nợ lãi tháng 12" như vậy xác định hai bên vay và cho vay có lãi tuy nhiên quá trình giải quyết chị V không yêu cầu tính tiền lãi nên không đề cập giải quyết về lãi là phù hợp;

Về án phí: Chị L là người có lỗi nên phải chịu án phí DSST;

Đối với anh Nguyễn Xuân Hiếu (chồng chị V): Trong giấy vay tiền có ghi nội dung "L nợ chị V Hiếu" tuy nhiên quá trình làm việc tại tòa án anh Hiếu đã có lời khai anh không liên quan đến việc vay và cho vay giữa vợ anh với chị L và không liên quan đến vụ án này; vợ anh cho vay thì vợ anh tự giải quyết với chị L nên xét không cần đưa anh Hiếu vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp;

Về án phí: Bị đơn là người có lỗi nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471, 474, 477 BLDS năm 2005;

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 239, 243, 247, 254, 260, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 6.000.000đ tiền án phí DSST

Hoàn trả chị V số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000085 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Chị V có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh BN.*
- *VKS huyện, tỉnh.*
- *THADS huyệnTiên Du.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu.*